

An khá phong phú, đa dạng. Có đủ loại rồng theo trí tưởng tượng của người dệt, thêu gồm: Rồng màu xanh, rồng màu đỏ, rồng màu vàng, rồng màu trắng, rồng hai đầu, rồng đất, rồng khe suối, vực sâu, rồng sông biển, rồng mây, rồng có mào, có móng, rồng có vảy và không có vảy, rồng có mắt trước, mắt sau; rồng dài suốt... gấu vảy, rồng nối đuôi nhau, rồng đi riêng lẻ ... Theo tác giả Hữu Vi (2002), số lượng vảy của phụ nữ Thái ở Nghệ An có thêu hình con rồng chiếm đến 30% (vảy thêu hình mặt trời chiếm 50%; vảy thêu hình chim chóc và các loài thú nhỏ chiếm 10%; vảy thêu hình thú lớn như voi, hươu, nai... chiếm 10%).

3.3. Trong văn học và tập quán thờ cúng

Nếu như ở người Việt, hình tượng rồng thể hiện qua nhiều lĩnh vực từ văn học nghệ thuật cho đến kiến trúc dân gian, đình chùa, đặc biệt hình tượng rồng còn là biểu tượng của vua chúa, quyền uy của hoàng gia, thì ở người Thái, rồng thường xuất hiện trong các truyện cổ tích. Bằng chứng là khá nhiều địa danh ở vùng người Thái Tây Bắc, Tây Thanh Hóa, Nghệ An được mang tên rồng hay gắn liền với sự tích liên quan đến rồng. Các di tích đó thường mang tên: Noong Luông, Noong Ngược (ao Rồng), Pu Luông hay Pu Ngược (núi Rồng), Văng Ngược (vũng Rồng)... Có khá nhiều các câu chuyện kể lưu truyền dọc lưu vực sông lớn vùng người Thái ở cả vùng Tây Bắc và Tây Thanh - Nghệ liên quan đến chuyện tình giữa rồng với người. Giữa người và rồng, đôi khi cũng xảy ra các trận chiến khốc liệt, trong đó các chàng trai khỏe mạnh thường trở thành anh hùng bảo vệ bình yên cho bản làng.

Trong quá khứ, hình tượng rồng rất hiếm khi xuất hiện ở nơi thờ tự của người Thái. Có lẽ do phong tục, tập quán của người Thái không thờ rồng. Trong các đền Mường nổi tiếng trước đây cũng không có bức điêu khắc hay cột gỗ, đá nào được khắc, tạc hình rồng. Tuy vậy, đối với các thầy cúng, thầy mo tiền

hôn người chết, hình tượng rồng thường được thêu, dệt vào áo, mũ, khăn. Các thầy mo thường diện những bộ y phục có hình rồng khi hành lễ. Theo giải thích của nhiều thầy cúng, thầy mo thì hình tượng rồng thêu trên áo, mũ, khăn cùng với mảnh hóa thạch được cho là chiếc răng rồng mà họ bày ra làm đạo cụ là thể hiện cho quyền uy và sức mạnh của thầy mo. Những đồ vật có hình thù kỳ dị, người thường hiếm khi bắt gặp và không bao giờ có được. Theo đó, chúng còn là vật trừ tà, kỵ ma, bảo vệ cho thầy cúng, thầy mo khi hành lễ.

Ngày nay, trừ vùng người Thái Tây Bắc, hình ảnh rồng đã xuất hiện khá nhiều trong một số kiến trúc đền chùa ở vùng người Thái miền Tây Thanh - Nghệ. Cụ thể là trên đỉnh mái của ngôi đền Chín Gian tại xã Thanh Quân, huyện Như Xuân có hai con rồng châu nguyệt. Đền Chín Gian ở xã Mường Noọc, huyện Quế Phong, Nghệ An cũng được xây hai con rồng uốn lượn dọc hai bên bậc xi măng lên xuống gần phần sân đền, trên đỉnh mái cũng được tạc hai đầu rồng (Lưu ý, ngoài đền chính, hai bên tả, hữu đền còn được xây thêm một số hạng mục tôn giáo như: tượng bà Quan thế Âm Bồ Tát (bên hữu) và nhà Tứ phủ (bên tả). Riêng đền Chín Gian ở Quế Phong còn có nhà thờ Bác Hồ). Đền Mường Chiêng Ngam, xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Châu cũng là một trong những nơi thờ tự có sự xuất hiện của rồng: có mái rồng. Đền Choọng, xã Châu Lý, huyện Quỳnh Hợp cũng có hai con rồng đá uốn lượn đặt hai bên bậc lên xuống khá đồ sộ. Đền Vạn ở xã Xá Lượng, huyện Tương Dương hay Đền Pu Nhạ Thầu ở xã Hữu Kiệt, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An cũng đều xuất hiện hình tượng rồng. Đặc biệt, đền thờ tổ dòng họ Vi ở bản Xiềng Líp, xã Yên Hòa, huyện Tương Dương cũng được đắp rồng hai bên đường lên. Ngay cả đền thờ tổ dòng họ Vi ở bản Tổng Chai, xã Chi Khê, huyện Con Cuông cũng xuất hiện hình tượng rồng.

Có một vấn đề đặt ra là: Tại sao trong các đền miếu của người Thái vùng Thanh Hóa, Nghệ An lại xuất hiện và phổ biến hình tượng của rồng? Để lý giải cho vấn đề này, hãy trở lại nguồn gốc và lịch sử cư trú của người Thái Thanh Hóa, Nghệ An sẽ thấy: vốn tiếp xúc với xã hội của người Việt từ rất sớm, vì thế bên cạnh vẫn bảo lưu các yếu tố cổ truyền, song xã hội của họ đã tiếp thu, ảnh hưởng các yếu tố xã hội và văn hóa của người Việt từ thời Lý, Trần, nhất là thời Lê. Nhiều dòng Thái hiện nay đều có gốc từ người Kinh, người Mường di cư lên. Ví dụ các họ: Phạm, Lê, Đinh... (vùng Thanh Hóa); họ Nguyễn, Vi, Mạc, Lê, Bùi... (vùng Nghệ An). Trong quan hệ ruộng đất, yếu tố tư hữu bao trùm, khác nhiều so với chế độ công hữu/công công của người Thái vùng Tây Bắc. Hệ thống tổ chức hành chính, hệ thống quan chức trong các miếu của người Thái cũng đã ảnh hưởng các yếu tố cơ cấu tổ chức của xã hội Việt, trong đó quan hệ địa chủ - nông dân được xác lập và được củng cố. Từ cái cốt lõi cơ bản trong xã hội cổ truyền là mỗi miếu thường có một ngôi đền miếu, và ngay trong các ngôi đền miếu cổ truyền trước đây cũng đã ít nhiều ảnh hưởng yếu tố văn hóa Việt (tượng gỗ sơn son thếp vàng, lọng, sắc phong...), nên trải qua các bước thăng trầm gần như vắng bóng, sau này, khi được cấp kinh phí xây dựng mới, người Thái thường dễ chấp nhận sự hiện diện của các yếu tố văn hóa mới trong các ngôi đền miếu đó như một lẽ đương nhiên.

4. *Đôi điều nhận xét*

Rồng và hình tượng rồng xuất hiện phổ biến trong văn hóa của nhiều dân tộc từ phương Tây sang phương Đông, trong đó có các nước Đông Bắc Á và Đông Nam Á. Ngoài tên gọi, quan niệm và tâm thức... thì mức độ và tần suất phổ biến của hình tượng rồng trong các lĩnh vực của đời sống ở mỗi dân tộc cũng có sự khác nhau.

Đối với người Thái, tuy rồng chỉ là con linh vật trong trí tưởng tượng, song theo quan niệm và cách giải thích dân gian nêu trên, thì họ cũng đã có những hiểu biết nhất định về loại linh vật huyền thoại này. Tuy hình tượng rồng không xuất hiện ở nhiều lĩnh vực của đời sống, song hình tượng rồng cũng được thể hiện trong một số dạng thức văn hóa như: trong lao động sản xuất nông nghiệp, trong nghệ thuật tạo hình (dệt thêu), trong văn học và tập quán thờ cúng. Hình tượng rồng có vai trò nhất định trong các lĩnh vực nêu trên. Ngoài đại diện cho điều dữ, rồng cũng còn là con vật giúp ích cho con người, tạo mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt. Hình tượng rồng còn là biểu tượng của cái đẹp, yếu tố trừ tà ma, sức mạnh bảo vệ các thầy cúng, thầy mo.

Trải qua các bước thăng trầm của lịch sử, do cư trú xen kẽ, gần gũi, do tiếp xúc và giao thoa văn hóa, nên từ không có, sau này hình tượng rồng này càng xuất hiện phổ biến trong các đền miếu của người Thái (chủ yếu là người Thái vùng Thanh Hóa, Nghệ An). □

Tài liệu tham khảo

1. Vi Văn An, *Người Thái ở miền Tây Nghệ An*, Nxb Thế Giới, H, 2017.
2. Vi Văn An, *Tri thức dân gian của người Thái trong sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước*. TC Dân tộc học, số 1/2008.
3. Thái Tâm, Nguyễn Duy, *Hình tượng con rồng trên gấu váy phụ nữ Thái*, Văn hóa Sơn La, 2020.
4. Hữu Vi. *Rồng trong quan niệm tâm linh người Thái*, Văn nghệ Quân đội 5/2022.



Âm vang khúc hát sắc bùa trong đêm giao thừa


Đội sắc bùa, xã Kỳ Hải, huyện Kỳ Anh luyện tập chuẩn bị cho giao thừa 2024

□ NGUYỄN KHẮC THUẦN*

*Hát sắc bùa là một phương cách chúc Tết độc đáo,
hàm chứa tín ngưỡng, tâm linh trong văn hóa
dân gian của người Việt. Những lời chúc mừng
năm mới an lành, hạnh phúc được thể hiện bằng
lời ca, tiếng hát của các đội sắc bùa trong đêm
giao thừa đã mang đến cho từng gia đình đợt dào
bao cảm xúc, truyền bao cảm hứng tốt đẹp về một
mùa xuân mới.*



* Đại tá, Hội viên Hội Cựu chiến binh Nghệ An

 ừ ngày xưa ngày xưa, mỗi khi Tết đến, xuân về trong phút giây thiêng đón giao thừa ở nhiều miền quê xứ Nghệ nói riêng, cả nước nói chung lại được hòa mình vào không gian nghệ thuật hát sắc bùa. Những lời ca, điệu ví thắm đượm nghi lễ chúc tụng dân gian mộc mạc, gần gũi, thân thương vang vọng đến với từng gia đình là một di sản văn hóa độc đáo, đặc sắc bồi đắp thêm nét đẹp nhân văn thắm đẫm tình làng, nghĩa xóm, mang về bao niềm vui và hy vọng ấm lòng người xứ Nghệ trong phút giây thiêng đón chào mùa xuân mới.

Khác với nhiều loại hình văn nghệ dân gian khác, hát sắc bùa mỗi năm chỉ diễn ra một lần trong thời khắc đón giao thừa của tết cổ truyền. Đây là loại hình văn nghệ dân gian tổng hợp ca, múa, nhạc mang yếu tố tâm linh, cầu cho mưa thuận gió hòa, vạn vật sinh sôi, người người an yên hạnh phúc cùng nhau vui đón Tết cổ truyền.

Theo Nghệ nhân nhân dân Trần Khánh Cẩm - người đã dành trọn cuộc đời nghiên cứu, phát huy, phát triển hát sắc bùa ở Hà Tĩnh thì thật khó xác định được nguồn gốc, thời gian xuất hiện của hát sắc bùa trong dòng chảy văn nghệ dân gian Việt Nam. Văn bản cổ nhất, duy nhất nói về hát sắc bùa là trường ca “Đẻ đất, đẻ Mường” của dân tộc Mường. Theo tiếng Mường “sắc bùa” là “xéc pùa” nghĩa là “xách bùa”, trong cổ tích ghi lại: ngày xưa ngày xưa trước thời khắc đón giao thừa, các đội sắc bùa đều lên chùa bái lạy Phật tổ xin những lá bùa chúc phúc, chúc bình an, trừ tà ma, diệt quỷ dữ rồi xách (sắc) những lá bùa ấy đến dán cho từng gia đình trong bản làng để trấn yểm tà ma, quỷ dữ và hát những bài ca chúc mừng xuân mới an khang, thịnh vượng.

Từ cội nguồn văn hóa Việt - Mường, hát sắc bùa thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng, niềm tin vào tương lai tươi sáng trong mùa xuân mới nên hát sắc bùa được bảo lưu, trao truyền,

phát triển trong văn hóa Việt với sức sống mãnh liệt, sức lan tỏa vượt thời gian, không gian, đủ sức đi qua những thăng trầm của lịch sử mà trường tồn cùng năm tháng.

Sau mấy năm ngưng nghỉ vì dịch covid-19, phong trào hát sắc bùa ở nhiều địa phương trong xứ Nghệ lại hồi sinh mạnh mẽ. Nhiều làng, xã ở các huyện Kỳ Anh, Can Lộc, Hương Khê, Đức Thọ, thị xã Hồng Lĩnh... đã tổ chức thành lập các “Câu lạc bộ sắc bùa”, tổ chức các hội thi hát sắc bùa cấp huyện, cấp tỉnh để phát hiện bồi dưỡng nghệ nhân, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong xây dựng đời sống văn hóa nông thôn mới. Nhiều trường học ở huyện Kỳ Anh đã tổ chức các chương trình ngoại khóa về hát sắc bùa, tổ chức các đội sắc bùa, các lớp học, tạo sân chơi khơi nguồn dòng chảy tiếp nối trong thanh thiếu niên.

Được sự cổ vũ của chính quyền địa phương, đầu tháng chạp (tháng 12 âm lịch), các đội sắc bùa các làng quê đã tổ chức biên soạn các bài chúc, thực luyện các bài chúc để tổ chức diễn xướng lúc giao thừa.

Trong đội hát sắc bùa có từ 6-15 người, người hát chính gọi là “cái kể” (có nơi gọi là ông Cai), những người còn lại hát phụ họa gọi là “con xô”. Cái kể là người hát trước cầm trịch, các con xô hát phụ họa, mỗi người một câu so le. Câu kết cả đội cùng ca vang. Cái kể phải là người có chất giọng tốt, tác phong nhanh nhẹn, thành thực các điệu hát, bài hát sắc bùa chúc mừng năm mới và là người có thể tùy cơ ứng biến ứng tác lời bài hát phù hợp với gia cảnh người được chúc mừng. Nhạc cụ của đội hát sắc bùa là công, chiêng, thanh la, thanh tiền, trống tâm vinh (trống cơm) và trống con. Người hát cũng là nhạc công. Phục trang của đội hát thường là quần trắng, áo dài màu đỏ, xanh, vàng, đầu quấn khăn đỏ hoặc khăn đen, thắt lưng giải điều hay hoa lý.

Không gian biểu diễn của hát sắc bùa là đường làng, ngõ xóm, sân nhà rộng rãi,

khoảng đạt chấp cánh cho lời ca, tiếng nhạc lan tỏa khắp xóm thôn, truyền một cảm hứng tung bừng, hân hoan, rộn ràng vui mừng khi đón giao thừa đến, mùa xuân về cho xóm thôn. Vũ đạo trong hát sắc bùa gọi là “lộn” (nhào lộn) là những động tác chuyển động hình thể theo điệu hát vui mắt mà dễ tập, người hát tự sáng tạo trong quá trình biểu diễn theo nhịp điệu và lời bài chúc.

Đội hát sắc bùa khi xuất quân chỉ 6-15 người nhưng tiếng hát tiếng công, chiêng, thanh la thúc dục mời gọi nên càng đi càng đông, thu hút thêm người tham gia càng làm cho không gian đường thôn ngõ xóm thêm đông vui, nhộn nhịp tạo nên một cuộc diễu hành ca - múa - nhạc tung bừng trong đêm xuân.

Trong quan niệm của người xưa, hát sắc bùa là một hình thức diễn xướng tổng hợp, có chức năng chúc tụng “người an vật thịnh”, “mưa thuận gió hòa” trong dịp Tết cổ truyền. Đội hát sắc bùa tượng trưng cho đội quân hùng mạnh, tôn nghiêm xua đuổi tà ma, quỷ dữ xui xẻo. Dân ta định nghĩa về sắc bùa thật mộc mạc và không kém phần hóm hỉnh trào lộng: “Sắc bùa là sắc bùa âu/ Mong cho năm mới ăn xôi với chè/ Sắc bùa là sắc bùa hoe/ Mong cho năm mới ăn chè/với xôi”.

Trong đêm 30 tết, sau khi tập trung làm nghi lễ ở nhà văn hóa thôn, đội hát sắc bùa thôn Thuận Sơn (xã Thuận Lộc, thị xã Hồng Lĩnh) do Cai sắc Trần Nghinh chỉ huy xuất quân, trong hương trầm ngào ngạt của thi vị tết đến, xuân về, tiếng hát sắc bùa trở nên kỳ ảo. Tiếng trống, chiêng âm vang trên đường đi luôn thu hút mọi người tham gia, cổ vũ. Theo chỉ đạo của cai sắc, đoàn vừa đi vừa hát. Đến tận cổng gia chủ cả đội ca vang bài ca có tiết tấu rộn ràng: “Mở ngõ”: “Đầu xuân năm mới bước vào/ Anh em đội Sắc kính chào toàn gia/ Mừng xuân, mừng Đảng, mừng ta/ Mừng nông thôn mới trên đà vinh quang”. Biết có khách quý đến xông nhà đầu năm mới, gia chủ ra mở

cửa, nghênh đón. Người Cai sắc đánh 3 hồi trống cùng gia chủ đi vào nhà, khi cả đoàn đến trước bàn thờ gia tiên, ông Cai sắc làm thủ tục vái lạy gia tiên các thành viên trong đội xếp hàng ngang. Cai sắc kính cẩn bái tổ tiên.

- Đầu xuân năm mới, chúng tôi đến mừng tuổi gia đình. Trên kính lạy tiên tổ, tiên tổ anh linh phù hộ độ trì cho con cháu an khang thịnh vượng. Sang xuân năm mới kính chúc gia đình gặp nhiều may mắn.

Cả đội hòa theo:

- Đón xuân năm mới, xóm làng nô nức, gia đình bình an.

Và tiếp theo là những bài ca chúc mừng xuân mới của đội. Lời bài ca giản dị, gần gũi phù hợp với những điều chờ mong của từng gia đình. Với một cặp ông bà vinh thọ 80 xuân, đội ca:

Xuân sang hoa thắm đất trời/ Ông bà song thọ, tuổi nhiều càng vinh/ Ngày xuân cung chúc gia đình/ Ông bà, con, cháu gặp nhiều niềm vui.

Với một gia đình làm ăn phát đạt trong năm qua nhờ kinh tế trang trại, lời chúc của Đội:

Xuân sang phát lộc phát tài/ Lúa bông trĩu hạt, quả sai kín vườn/ Gia đình giàu mạnh khang trang/ Lợi nhà, ích nước, xóm làng tin yêu.

Mỗi gia đình đội chỉ dừng lại 5-7 phút nhưng tạo nên một không gian vui vẻ thắm đượm tình làng nghĩa xóm ấm áp, chan hòa, yêu thương gần gũi, chia sẻ cùng nhau khi tết đến, xuân về.

Hành trình của đội hát sắc bùa kéo từ đầu thôn đến cuối xóm. Điểm đến cuối cùng là nhà Cai sắc và ở đây sau lời chúc mừng gia đình người đội trưởng đã dành nhiều thời gian, công sức, tâm huyết xây dựng đội sắc bùa của xóm thôn là lời chúc nhau sức khỏe, hanh thông trong công việc, lời hẹn năm sau lại cùng nhau mang lời “Cung chúc tân xuân” đến với mọi gia đình trong thôn xóm.□



Từ Đề cương Văn hóa Việt Nam năm 1943 đến định hướng xây dựng và phát triển con người Nghệ An trong bối cảnh hội nhập hiện nay

□ ĐOÀN THỊ HỒNG LAM*

Kế thừa tinh thần từ *Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943* và triển khai Nghị quyết 39 trên thực tế (Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023), tỉnh Nghệ An đã tổ chức nhiều cuộc vận động, nhiều phong trào xây dựng và phát triển văn hóa, xây dựng con người mới với các chuẩn mực cụ thể cho từng cấp, từng ngành, từng đơn vị cơ sở. Phong trào này, bước đầu đã gặt hái được những thành công nhất định. Trên cơ sở thực tiễn đó, bài viết chỉ ra một vài vấn đề cần hoàn thiện để Nghệ An thực hiện tốt hơn nữa việc xây dựng và phát triển con người xứ Nghệ trong bối cảnh mới hiện nay.



* Ths. Gv - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội



ừ bối cảnh thực tiễn của nước ta và định hướng về nền văn hóa cách mạng Việt Nam phát triển đúng định hướng, Đảng ta kịp thời ban hành *Đề cương về văn hóa Việt Nam* vào năm 1943. Đề cương đã thấm nập được nội dung, tính chất và 3 nguyên tắc hoạt động nhất quán của nền văn hóa cách mạng: Dân tộc, khoa học, đại chúng. Tư tưởng xuyên suốt của nền văn hóa cách mạng phải là “Văn hóa xã hội chủ nghĩa” đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Vận dụng luận điểm này, Đảng ta đã có những định hướng quan trọng để xây dựng nguồn lực “Con người mới xã hội chủ nghĩa” đáp ứng yêu cầu trong từng giai đoạn lịch sử. Đối với tỉnh Nghệ An, trong 80 năm qua, trên tinh thần kế thừa hệ thống Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc tại các nhiệm kỳ và những Nghị quyết chuyên biệt của Trung ương, lãnh đạo các cấp tại tỉnh Nghệ An đã ban hành các văn bản về xây dựng và phát triển văn hóa con người Nghệ An và đã xác định những mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể để xây dựng con người Nghệ An trong bối cảnh mới - Nguồn lực quan trọng nhất, là hạt nhân trung tâm của sự tồn tại và phát triển.

1. Định hướng của Đảng về xây dựng con người mới trước thời kỳ Đổi mới

Nghiên cứu các nội dung trong *Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943* cho thấy, di sản này chưa đề cập đến con người, nhưng trong tiến trình cách mạng đấu tranh giải phóng đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định vai trò to lớn của nguồn lực con người, đặc biệt là nguồn lực con người mới trong công cuộc xây dựng và phát triển nền văn hóa cách mạng, cũng như trong sự nghiệp xây dựng và phát triển bền vững đất nước, từ đó đã có những định hướng quan trọng để xây dựng con người mới trong các giai đoạn lịch sử của cách mạng.

Đến năm 1945, ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, công cuộc kiến quốc

trong bối cảnh đất nước còn gặp nhiều khó khăn, mặc dù vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định con người là nguồn lực để xây dựng đất nước và Người quan tâm đề cập ngay đến vấn đề xây dựng “Đời sống mới”, xây dựng con người để tiến hành công cuộc kiến thiết và xây dựng đất nước. Đến ngày 20/3/1947, dưới bút danh Tân Sinh, Bác đã hoàn thành công bố tác phẩm “Đời sống mới” trên cơ sở xác định nền tảng đạo đức, lối sống, nếp sống cho nhân dân. Người đã viết: “Trong lúc kháng chiến cứu quốc, chúng ta phải đồng thời kiến quốc”. Thực chất *đời sống mới* trong tư tưởng của Bác Hồ là giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng con người trong cả tư duy, nhận thức, lý trí và hành động, bởi vì con người là trung tâm, là nguồn lực quan trọng trong công cuộc cứu quốc và kiến quốc, Bác viết: “... Người là gốc của làng, của nước. Nếu mọi người đều cố gắng làm đúng đời sống mới, thì nhất định dân tộc sẽ phú cường. Đối với việc làng, việc nước phải hăng hái làm gương” [17]. Đồng thời, Người khẳng định: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa” [16]. Luận điểm này là sự vận dụng sâu sắc từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943*: Cách mạng văn hóa phải đi sau cách mạng chính trị và nền văn hóa Việt Nam xây dựng phải là nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, để xây dựng được nền văn hóa cách mạng xã hội chủ nghĩa, phải có con người thực hiện, đó là những người cộng sản “Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động”. Vận dụng nguyên lý cách mạng từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát triển tư tưởng “xã hội chủ nghĩa” từ các cuộc cách mạng chính trị, kinh tế và văn hóa thành nguyên lý “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa”. Và trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã kế thừa và vận dụng triệt để tư tưởng của Bác để tiến hành xây